TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **32**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vương

Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm: 1970.

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T sau thời gian tìm hiểu đã quyết định chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được 26 năm thì nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh T gia trưởng, ích kỉ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh T thường xuyên đánh đập chị B. Chị B đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó anh T hứa sẽ sửa đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phạm Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Xuân T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị P, sinh năm 1993 và Đỗ Xuân H, sinh năm 1995. Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị B và anh T có tạo lập được diện tích đất 3.6ha, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và khoảng 1000 cây Tiêu, 300 cây Điều 10 năm tuổi tọa lạc tại ấp S, xã T. Phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Xuân T. Khi ly hôn đối với tài sản chung chị B và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ ngân hàng N - phòng giao dịch T - chi nhánh huyện H, Bình Phước số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Khi ly hôn, mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ số nợ cho Ngân hàng. Hiện tại chị Phạm Thị B đang điều trị bệnh ung thư nên không thể đến Tòa án để tham dự phiên tòa. Vì vậy, chị Phạm Thị B đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2018 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị B kết hôn với nhau năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do không hợp nhau. Nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị P, sinh năm 1993 và Đỗ Xuân H, sinh năm 1995. Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung, khi ly hôn tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ ngân hàng N - phòng giao dịch T- chi nhánh huyện H, Bình Phước số tiền 200.000.000đ. Anh T và chị B thỏa thuận với ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Do anh T bận rộn công việc, đường xa đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án cho phép anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và bị đơn vì mục đích hôn nhân không đạt được, chị B và anh T đều xác định tình cảm không còn, không tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Về 02 con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Đối với khoản nợ 200.000.000đ các đương sự vay của ngân hàng N - phòng giao dịch T- chi nhánh huyện H, Bình Phước do ngân hàng không yêu cầu thu hồi nợ trong vụ án ly hôn nên không xem xét; án phí sơ thẩm nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước. Do các đương sự trong vụ án yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị B và anh Đỗ Xuân T là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn (Bl 06). Chị B và anh T đều thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn và hiện tại tình cảm vợ chồng không còn. Chị B yêu cầu ly hôn và anh T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, ý chí của các đương sự về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị B về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Đỗ Xuân T .

Về con chung: Đối với hai con chung Đỗ Thị P, sinh năm 1993 và Đỗ Xuân H, sinh năm 1995. Do các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đối với các tài sản chị B và anh T tạo lập được trong quá trình chung sống, khi ly hôn do chị B và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vay của Ngân hàng N- phòng giao dịch T- chi nhánh huyện H, Bình Phước do Ngân hàng không yêu cầu giải quyết thu hồi nợ khi chị B, anh T ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét và sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị B chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước về việc tuân thủ theo pháp luật của các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nội dung vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Đỗ Xuân T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyển số 01/1992 ngày 28/10/1992 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa hết giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Đối với 02 con chung là Đỗ Thị P, sinh năm 1993 và Đỗ Xuân H, sinh năm 1995. Khi ly hôn các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Do ngân hàng N- phòng giao dịch T- chi nhánh huyện H, Bình Phước không yêu cầu Tòa án giải quyết thu hồi nợ trong vụ án ly hôn nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị B chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004546 ngày 06/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để được xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VT

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng